

Số: /BC-UBND

Mang Yang, ngày tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả thống kê thôn, làng, tổ dân phố, dân số và thành phần dân tộc
trên địa bàn huyện Mang Yang (đến ngày 01/4/2020)**

Để nắm chắc số lượng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện hiện nay; phục vụ kịp thời cho công tác quản lý Nhà nước của huyện; Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang đã chỉ đạo phòng Dân tộc huyện phối hợp với Chi cục Thống kê huyện, Trung tâm Y tế huyện, phòng Lao động TB&XH huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức điều tra, thống kê thôn, làng, tổ dân phố, dân số và thành phần dân tộc trên địa bàn của toàn huyện tính đến ngày 01/4/2020.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn; phòng Dân tộc huyện đã tham mưu cho UBND huyện tổng hợp kết quả điều tra, thống kê trên địa bàn toàn huyện; kết quả cụ thể như sau: (có các Biểu tổng hợp số: 01a, 01b, 02, 03 kèm theo).

1/ Về số lượng các thôn, làng, tổ dân phố của huyện:

Đến nay trên địa bàn huyện có 80 thôn, làng, tổ dân phố (gồm 60 làng, 06 tổ dân phố, 14 thôn) thuộc 12 xã, thị trấn. Trong đó có 78/80 thôn, làng, TDP có ĐBDTTS sinh sống; 58 làng người đồng bào dân tộc BahNar, 02 thôn, làng người đồng bào dân tộc Tày - Nùng; với 60 người có uy tín trong vùng ĐBDTTS ở 60 thôn, làng.

2/ Về dân số và số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc của huyện: (Có Biểu số 01b kèm theo)

Tính đến ngày 01/4/2020, toàn huyện có 16.483 hộ/72.467 khẩu; với 18 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó ĐBDTTS có 9.393 hộ/44.509 khẩu, chiếm 61,42% dân số toàn huyện. Số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc cụ thể như sau:

1. Dân tộc Kinh : 7.090 hộ/27.958 khẩu, chiếm 38,58% dân số của huyện;
2. Dân tộc Bah Nar: 8.646 hộ/41.201 khẩu, chiếm 56,85% dân số của huyện;
3. Dân tộc Tày : 334 hộ/1.441 khẩu, chiếm 1,98% dân số của huyện;
4. Dân tộc Nùng : 218 hộ/992 khẩu, chiếm 1,37% dân số của huyện;
5. Dân tộc Thái : 126 hộ/590 khẩu, chiếm 0,81% dân số của huyện;
6. Dân tộc Mường : 31 hộ/128 khẩu, chiếm 0,17% dân số của huyện;
7. Dân tộc J'rai : 12 hộ/54 khẩu, chiếm 0,074% dân số của huyện;
8. Dân tộc Sán Chỉ: 02 hộ/07 khẩu; chiếm 0,005% dân số của huyện;
9. Dân tộc Ê Đê : 05 hộ/18 khẩu, chiếm 0,024% dân số của huyện;
10. Dân tộc H're : 10 hộ/28 khẩu, chiếm 0,038% dân số của huyện;
11. Dân tộc Thanh : 01 hộ/06 khẩu; chiếm 0,008% dân số của huyện;
12. Dân tộc Raglai : 01 hộ/05 khẩu; chiếm 0,007% dân số của huyện;
13. Dân tộc Dao : 03 hộ/16 khẩu; chiếm 0,022% dân số của huyện;

14. Dân tộc Vân Kiều: 04 khẩu; chiếm 0,005% dân số của huyện;
15. Dân tộc Hoa: 01 hộ/04 khẩu; chiếm 0,005% dân số của huyện;
16. Dân tộc Cao Lan: 02 khẩu; chiếm 0,002% dân số của huyện;
17. Dân tộc Khơ Me: 01 hộ/04 khẩu; chiếm 0,005% dân số của huyện;
18. Dân tộc Thổ: 02 hộ/09 khẩu; chiếm 0,012% dân số của huyện.

3/ Về tình hình đời sống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện: (Có Biểu số 01a, 02 kèm theo).

- *Hộ nghèo toàn huyện (tính đến ngày 31/12/2019):* 2.188 hộ/9.486 khẩu; chiếm 13,27% số hộ toàn huyện tại thời điểm điều tra; Trong đó: Hộ nghèo là ĐBDTTS của huyện có 1.951 hộ/8.601 khẩu; chiếm 11,84% số hộ dân toàn huyện; chiếm 9,79% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 89,17% trong tổng số hộ nghèo toàn huyện.

- *Hộ cận nghèo của toàn huyện (tính đến ngày 31/12/2019):* 3.304 hộ/15.009 khẩu; chiếm 20,04% số hộ toàn huyện tại thời điểm điều tra; Trong đó: Hộ cận nghèo là ĐBDTTS của huyện có 2.859 hộ/13.245 khẩu; chiếm 17,35% số hộ dân toàn huyện; chiếm 30,44% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 86,53% trong tổng số hộ cận nghèo toàn huyện.

4/ Về số hộ gia đình chính sách trên địa bàn huyện: (có Biểu số 03 kèm theo).

Tổng số hộ gia đình chính sách trên địa bàn huyện là 743 hộ/2.571 khẩu; trong đó: Dân tộc Kinh có: 108 hộ/330 khẩu, chiếm 14,54% số hộ gia đình chính sách toàn huyện; ĐBDTTS có: 635 hộ/2.241 khẩu, chiếm 85,46% số hộ gia đình chính sách toàn huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả điều tra thống kê thôn, làng, tổ dân phố, dân số và thành phần dân tộc trên địa bàn của toàn huyện tính đến ngày 01/4/2020. Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang báo cáo để Ban Dân tộc tỉnh biết và có hướng chỉ đạo trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đ.vị liên quan của huyện (để biết);
- UBND các xã, thị trấn (T/h);
- Lưu: VT, VX, DT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Lan Anh

Số: /BC-UBND

Mang Yang, ngày tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO

Kết quả thống kê số liệu khẩu nghèo, cận nghèo, thống kê thành phần dân tộc và thôn, làng, tổ dân phố, dân số trên địa bàn huyện Mang Yang
(Tính đến thời điểm 20/5/2016)

Thực hiện Công văn số: 173/BDT-CSDT ngày 06/5/2016 của Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai “*V/v cung cấp số liệu khẩu nghèo, cận nghèo, thống kê thành phần dân tộc và thôn, làng, tổ dân phố, dân số*”;

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng Dân tộc huyện phối hợp với Chi cục Thống kê huyện, Trung tâm Dân số & KHHGĐ huyện, phòng Lao động TB&XH huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức điều tra, thống kê dân số, số lượng thôn, làng, tổ dân phố; số lượng gia đình chính sách đồng bào dân tộc thiểu số; số liệu hộ, khẩu nghèo, cận nghèo theo các dân tộc và số hộ, khẩu nghèo, cận nghèo của toàn huyện tính đến ngày 20/5/2016.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn; phòng Dân tộc huyện đã tổng hợp kết quả điều tra, thống kê trên địa bàn toàn huyện; kết quả cụ thể như sau: *(có các biểu tổng hợp số: 01, 02, 03 kèm theo)*.

1/ Về số lượng các thôn, làng, tổ dân phố của huyện:

Đến nay trên địa bàn huyện có 106 thôn, làng, tổ dân phố (gồm 79 làng, 09 tổ dân phố, 18 thôn) thuộc 12 xã, thị trấn. Trong đó có 101/106 thôn, làng, TDP có ĐBDTTS sinh sống; 77 làng người đồng bào dân tộc BahNar, 02 thôn, làng người đồng bào dân tộc Tày - Nùng; với 79 người có uy tín trong vùng ĐBDTTS ở 79 thôn, làng.

2/ Về dân số, dân tộc, hộ, khẩu nghèo, cận nghèo theo thành phần dân tộc của huyện: *(Có biểu số 01, 03 kèm theo)*

Tính đến ngày 20/5/2016, toàn huyện có 14.574 hộ/66.123 khẩu với 15 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó: Dân tộc Kinh có 6.426 hộ/ 26.384 khẩu chiếm 39,90% dân số toàn huyện; ĐBDTTS có 8.148 hộ/39.739 khẩu, chiếm 60,1% dân số toàn huyện. Số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc cụ thể như sau:

- *Tổng số hộ nghèo của toàn huyện:* 4.628 hộ/20.478 khẩu; chiếm 31,75%; Trong đó: Hộ nghèo là ĐBDTTS có 4.042 hộ/18.387 khẩu; chiếm 27,73% số hộ dân toàn huyện; chiếm 49,60% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện.

- *Tổng số hộ cận nghèo của toàn huyện:* 969 hộ/4.353 khẩu; chiếm 6,64% số hộ toàn huyện tại thời điểm điều tra; Trong đó: Hộ cận nghèo là ĐBDTTS của huyện có 725 hộ/3.370 khẩu; chiếm 4,97% số hộ dân toàn huyện; chiếm 8,89% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 74,81% trong tổng số hộ cận nghèo toàn huyện.

1. Dân tộc Kinh có 6.426 hộ/26.384 khẩu, chiếm 39,90% dân số của huyện và 586 hộ nghèo/2.091 khẩu nghèo; 244 hộ cận nghèo/983 khẩu cận nghèo.

2. Dân tộc Bah Nar có 7.550 hộ/37.173 khẩu, chiếm 51,80% dân số của huyện và 3.819 hộ nghèo/17.456 khẩu nghèo; 669 hộ cận nghèo/3.119 khẩu cận nghèo.

3. Dân tộc Tày có 300 hộ/1.322 khẩu, chiếm 1,99% dân số của huyện và 101 hộ nghèo/427 khẩu nghèo; 32 hộ cận nghèo/137 khẩu cận nghèo.

4. Dân tộc Nùng có 155 hộ/651 khẩu, chiếm 0,98% dân số của huyện và 46 hộ nghèo/200 khẩu nghèo; 19 hộ cận nghèo/89 khẩu cận nghèo.

5. Dân tộc Thái có 97 hộ/415 khẩu, chiếm 0,62% dân số của huyện và 55 hộ nghèo/230 khẩu nghèo; 02 hộ cận nghèo/12 khẩu cận nghèo.

6. Dân tộc Mường có 26 hộ/113 khẩu, chiếm 0,17% dân số của huyện và 10 hộ nghèo/38 khẩu nghèo; 02 hộ cận nghèo/09 khẩu cận nghèo.

7. Dân tộc J'rai có 09 hộ/30 khẩu, chiếm 0,045% dân số của huyện và 7 hộ nghèo/20 khẩu nghèo; 01 khẩu cận nghèo.

8. Dân tộc Sán Chí có 02 hộ/7 khẩu; chiếm 0,011% dân số của huyện;

9. Dân tộc H're có 03 hộ/14 khẩu, chiếm 0,021% dân số của huyện và 02 hộ nghèo/10 khẩu nghèo; 01 hộ cận nghèo/03 khẩu cận nghèo.

10. Dân tộc Ê Đê có 03 hộ/4 khẩu, chiếm 0,006% dân số của huyện và 01 hộ nghèo/02 khẩu nghèo.

11. Dân tộc Thanh có 01 hộ/01 khẩu; chiếm 0,002% dân số của huyện;

12. Dân tộc Vân Kiều có 01 hộ/02 khẩu; chiếm 0,003% dân số của huyện;

13. Dân tộc Raglai có 01 khẩu; chiếm 0,002% dân số của huyện và 01 hộ nghèo/03 khẩu nghèo.

14. Dân tộc Dao có 01 hộ/05 khẩu; chiếm 0,008% dân số của huyện và 01 khẩu nghèo

15. Dân tộc Khơ Me có 01 khẩu; chiếm 0,002% dân số của huyện.

3/ Về số hộ gia đình chính sách là dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện: (có biểu số 02 kèm theo).

Tổng số hộ gia đình chính sách trên địa bàn huyện là 744 hộ/3.493 khẩu; trong đó: Dân tộc Kinh có: 244 hộ/1.140 khẩu; ĐBDTTS có: 500 hộ/2.353 khẩu, chiếm 67,2% số hộ gia đình chính sách toàn huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả điều tra thống kê dân số; số lượng thôn, làng, tổ dân phố; số liệu hộ, khẩu nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách theo các dân tộc; số hộ, khẩu nghèo, cận nghèo của toàn huyện tính đến ngày 20/5/2016. Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang báo cáo đề Ban Dân tộc tỉnh biết và có hướng chỉ đạo trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đ.vị liên quan của huyện (để biết);
- UBND các xã, thị trấn (T/h);
- Lưu: VT, VX, DT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

BÁO CÁO

Kết quả thống kê dân số; số lượng thôn, làng, tổ dân phố; số lượng gia đình chính sách là ĐBDTTS; số liệu hộ, khẩu nghèo, cận nghèo theo các dân tộc và theo các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn huyện Mang Yang
(Tính đến thời điểm 01/4/2015)

Thực hiện Công văn số: 71/BDT-CSDT ngày 16/3/2015 của Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai “*V/v thống kê thôn, làng, tổ dân phố, dân số; số liệu hộ, khẩu nghèo, cận nghèo các dân tộc và hộ, khẩu nghèo, cận nghèo của đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn*”;

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng Dân tộc huyện phối hợp với Chi cục Thống kê huyện, Trung tâm Dân số & KHHGĐ huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức điều tra, thống kê dân số, số lượng thôn, làng, tổ dân phố; số lượng gia đình chính sách đồng bào dân tộc thiểu số; số liệu hộ, khẩu nghèo, cận nghèo theo các dân tộc và số hộ, khẩu nghèo, cận nghèo của toàn huyện và của các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn huyện tính đến ngày 01/4/2015.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn; phòng Dân tộc huyện đã tổng hợp kết quả điều tra, thống kê trên địa bàn toàn huyện; kết quả cụ thể như sau: (*có các biểu tổng hợp số: 01, 01a, 02, 02a, 03, 03a, 04/H, 04a/H kèm theo*).

1/ Về số lượng các thôn, làng, tổ dân phố của huyện:

Đến nay trên địa bàn huyện có 106 thôn, làng, tổ dân phố (gồm 79 làng, 09 tổ dân phố, 18 thôn) thuộc 12 xã, thị trấn. Trong đó có 101/106 thôn, làng, TDP có ĐBDTTS sinh sống; 77 làng người đồng bào dân tộc BahNar, 02 thôn, làng người đồng bào dân tộc Tày – Nùng; với 79 người có uy tín trong vùng ĐBDTTS ở 79 thôn, làng.

2/ Về dân số và số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc của huyện: (*Có biểu số 02a kèm theo*)

Tính đến ngày 01/4/2015, toàn huyện có 13.884 hộ/65.379 khẩu; với 13 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó ĐBDTTS có 7.810 hộ/38.959 khẩu, chiếm 59,59% dân số toàn huyện. Số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc cụ thể như sau:

1. Dân tộc Kinh có 6.074 hộ/26.420 khẩu, chiếm 40,41% dân số của huyện;
2. Dân tộc Bah Nar có 7.206 hộ/36.507 khẩu, chiếm 55,84% dân số của huyện;
3. Dân tộc Tày có 327 hộ/1.322 khẩu, chiếm 2,02% dân số của huyện;
4. Dân tộc Nùng có 150 hộ/639 khẩu, chiếm 0,98% dân số của huyện;
5. Dân tộc Thái có 91 hộ/333 khẩu, chiếm 0,51% dân số của huyện;
6. Dân tộc Mường có 20 hộ/90 khẩu, chiếm 0,14% dân số của huyện;
7. Dân tộc J'rai có 07 hộ/22 khẩu, chiếm 0,034% dân số của huyện;
8. Dân tộc Sán Chí có 03 hộ/16 khẩu; chiếm 0,024% dân số của huyện;
9. Dân tộc H're có 02 hộ/11 khẩu, chiếm 0,017% dân số của huyện;
10. Dân tộc Ê Đê có 02 hộ/10 khẩu, chiếm 0,015% dân số của huyện;
11. Dân tộc Thanh có 02 hộ/06 khẩu; chiếm 0,009% dân số của huyện;
12. Dân tộc Hoa có 02 khẩu; chiếm 0,003% dân số của huyện;
13. Dân tộc Raglai có 01 khẩu; chiếm 0,002% dân số của huyện.

3/ Về số hộ gia đình chính sách trên địa bàn huyện: (*có biểu số 01, 01a kèm theo*).

Tổng số hộ gia đình chính sách trên địa bàn huyện là 720 hộ/3.223 khẩu; trong đó: Dân tộc Kinh có: 124 hộ/357 khẩu; ĐBDTTS có: 596 hộ/2.866 khẩu, chiếm 82,78% số hộ gia đình chính sách toàn huyện.

4/ Về tình hình đời sống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện: (Có biểu số 02, 04/H, 04a/H kèm theo).

- *Hộ nghèo toàn huyện:* 2.846 hộ/12.535 khẩu; chiếm **20,63%** số hộ toàn huyện tại thời điểm điều tra; Trong đó: Hộ nghèo là ĐBDTTS của huyện có 2.477 hộ/11.119 khẩu; chiếm 17,84% số hộ dân toàn huyện; chiếm 36,44% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 87,30% trong tổng số hộ nghèo toàn huyện.

- *Hộ cận nghèo của toàn huyện:* 1.486 hộ/6.882 khẩu; chiếm **10,70%** số hộ toàn huyện tại thời điểm điều tra; Trong đó: Hộ cận nghèo là ĐBDTTS của huyện có 1.152 hộ/5.509 khẩu; chiếm 8,30% số hộ dân toàn huyện; chiếm 19,07% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 77,52% trong tổng số hộ cận nghèo toàn huyện.

5/ Về tình hình đời sống ĐBDTTS thuộc vùng khó khăn của huyện: (Có biểu số 03 và 03a kèm theo).

- *Tổng số hộ nghèo của 10 xã (thuộc vùng khó khăn):* 2.542 hộ/11.222 khẩu; chiếm 18,31% số hộ toàn huyện và chiếm 88,76% trong tổng số hộ nghèo toàn huyện; Trong đó: Hộ nghèo là ĐBDTTS có 2.272 hộ/10.305 khẩu; chiếm 16,36% số hộ dân toàn huyện; chiếm 29,17% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện.

- *Tổng số hộ cận nghèo của 10 xã (thuộc vùng khó khăn):* 1.178 hộ/5.409 khẩu; chiếm 8,49% số hộ toàn huyện và chiếm 79,27% trong tổng số hộ cận nghèo toàn huyện; Trong đó: Hộ cận nghèo là ĐBDTTS có 1.027 hộ/4.893 khẩu; chiếm 7,40% số hộ dân toàn huyện; chiếm 13,19% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả điều tra thống kê dân số; số lượng thôn, làng, tổ dân phố; số liệu hộ, khẩu nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách theo các dân tộc; số hộ, khẩu nghèo, cận nghèo của toàn huyện và của các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn huyện tính đến ngày 01/4/2015. Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang báo cáo để Ban Dân tộc tỉnh biết và có hướng chỉ đạo trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan của huyện (để biết);
- UBND các xã, thị trấn (T/h);
- Lưu: VT, VX, DT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG**

Số: /BC-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mang Yang, ngày tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO

**Kết quả điều tra thống kê cơ cấu, thành phần, số lượng
các dân tộc sinh sống trên địa bàn huyện Mang Yang năm 2014**

Để nắm chắc số lượng cơ cấu, thành phần các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn, nhằm phục vụ kịp thời cho công tác quản lý Nhà nước của huyện; ngày 21/4/2014, Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang có Công văn số: 192/UBND-DT để chỉ đạo phòng Dân tộc huyện phối hợp với Trung tâm Dân số - KHHGD huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức điều tra, thống kê về số lượng, cơ cấu, thành phần và đời sống các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện có đến ngày 30/6/2014.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn; phòng Dân tộc huyện đã tổng hợp kết quả điều tra, thống kê trên địa bàn toàn huyện; kết quả cụ thể như sau: *(có biểu tổng hợp số: 01a, 01b, 01c, 02, 03 kèm theo).*

Theo kết quả điều tra, đến nay toàn huyện có 106 thôn, làng, tổ dân phố (gồm 79 làng, 09 tổ dân phố, 18 thôn) thuộc 12 xã, thị trấn. Trong đó có 101/106 thôn, làng, TDP có ĐBDTTS sinh sống;

77 làng người đồng bào dân tộc BahNar, 02 thôn, làng người đồng bào dân tộc Tày – Nùng; có 79 người có uy tín trong vùng ĐBDTTS ở 79 thôn, làng.

Tính đến ngày 30/6/2014, toàn huyện có 13.500 hộ/62.614 khẩu; với 10 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó ĐBDTTS có 7.608 hộ/38.077 khẩu, chiếm 60,81% dân số toàn huyện. Số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc cụ thể như sau:

1. Dân tộc Kinh có 5.892 hộ/24.537 khẩu, chiếm 39,19% dân số của cả huyện;
2. Dân tộc BahNar có 7.040 hộ/35.700 khẩu, chiếm 57,02% dân số của cả huyện;
3. Dân tộc Tày có 316 hộ/1.319 khẩu, chiếm 2,11% dân số của cả huyện;
4. Dân tộc Nùng có 150 hộ/662 khẩu, chiếm 1,06% dân số của cả huyện;
5. Dân tộc Thái có 58 hộ/226 khẩu, chiếm 0,36% dân số của cả huyện;
6. Dân tộc Mường có 23 hộ/102 khẩu, chiếm 0,16% dân số của cả huyện;
7. Dân tộc Jrai có 10 hộ/22 khẩu, chiếm 0,03% dân số của cả huyện;
8. Dân tộc Hre có 06 hộ/25 khẩu, chiếm 0,04% dân số cả huyện;
9. Dân tộc Ê Đê có 03 hộ/13 khẩu, chiếm 0,02% dân số cả huyện;
10. Dân tộc Sán Chi có 02 hộ/08 khẩu; chiếm 0,01% dân số cả huyện.

** Tình hình đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện:*

- Hộ nghèo toàn huyện: 3.175 hộ/13.852 khẩu; chiếm 23,51% số hộ toàn huyện; Trong đó: Hộ nghèo là ĐBDTTS toàn huyện có 2.700 hộ/12.124 khẩu; chiếm 20,0% số hộ dân toàn huyện; chiếm 35,49% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 85,04% trong tổng số hộ nghèo toàn huyện.

- Hộ cận nghèo của toàn huyện: 1.347 hộ/6.439 khẩu; chiếm 9,98% số hộ toàn huyện; Trong đó: Hộ cận nghèo là ĐBDTTS toàn huyện có 1.012 hộ/5.068 khẩu; chiếm 7,50% số hộ dân toàn huyện; chiếm 13,30% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 75,13% trong tổng số hộ cận nghèo toàn huyện.

- Tổng số hộ gia đình chính sách trên địa bàn huyện là 701 hộ/3.180 khẩu; trong đó: Dân tộc kinh có: 162 hộ/650 khẩu; ĐBDTTS có: 539 hộ/2530 khẩu.

Trên đây là Báo cáo kết quả điều tra, thống kê về số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện Mang Yang năm 2014. UBND huyện báo cáo để Ban Dân tộc tỉnh biết và có hướng chỉ đạo trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan (để biết);
- Lưu: VT, VX, DT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG**

Số: /BC-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mang Yang, ngày tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO
Kết quả điều tra thống kê cơ cấu, thành phần, số lượng
các dân tộc sinh sống trên địa bàn huyện Mang Yang năm 2013

Để nắm chắc số lượng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện hiện nay; phục vụ kịp thời cho công tác quản lý Nhà nước của huyện; Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang đã chỉ đạo phòng Dân tộc huyện phối hợp với Trung tâm Dân số và KHHGĐ huyện, Chi cục Thống kê huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức điều tra, thống kê thôn, làng, tổ dân phố, dân số và các thành phần dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện. Kết quả điều tra cụ thể như sau: *(có biểu tổng hợp kèm theo)*..

Trên cơ sở báo cáo của các xã, thị trấn; phòng Dân tộc huyện đã tổng hợp kết quả điều tra, thống kê trên địa bàn toàn huyện; kết quả cụ thể như sau: *(có biểu tổng hợp số: 01a, 01b, 01c, 02, 03 kèm theo)*.

Theo kết quả điều tra, đến nay toàn huyện có 11 xã và 01 thị trấn với 106 thôn, làng, tổ dân phố (gồm 79 làng, 09 tổ dân phố, 18 thôn). Trong đó có 101/106 thôn, làng, TDP có ĐBDTTS sinh sống; 77 làng người đồng bào dân tộc BahNar, 02 làng người đồng bào dân tộc Tày - Nùng.

Đến nay toàn huyện có 12.980 hộ, với 60.661 khẩu; với 10 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó ĐBDTTS có 7.342 hộ/37.158 khẩu là chiếm 61,26% dân số của toàn huyện (có 79 người có uy tín trong vùng ĐBDTTS); với số lượng, cơ cấu cụ thể như sau:

1. Dân tộc Kinh có 5.638 hộ/23.503 khẩu, chiếm 38,74% dân số của cả huyện;
2. Dân tộc BahNar có 6.800 hộ/34.868 khẩu, chiếm 57,48% dân số của cả huyện;
3. Dân tộc Tày có 297 hộ/1.268 khẩu, chiếm 2,09% dân số của cả huyện;
4. Dân tộc Nùng có 148 hộ/639 khẩu, chiếm 1,05% dân số của cả huyện;
5. Dân tộc Thái có 60 hộ/218 khẩu, chiếm 0,36% dân số của cả huyện;
6. Dân tộc Mường có 22 hộ/97 khẩu, chiếm 0,16% dân số của cả huyện;
7. Dân tộc Jrai có 07 hộ/34 khẩu, chiếm 0,06% dân số của cả huyện;
8. Dân tộc Hre có 04 hộ/14 khẩu, chiếm 0,03% dân số cả huyện;
9. Dân tộc Ê Đê có 03 hộ/16 khẩu, chiếm 0,03% dân số cả huyện;
10. Dân tộc Sán Chi có 01 hộ/04 khẩu; chiếm 0,01% dân số cả huyện.

** Tình hình đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện:*

- Hộ nghèo toàn huyện: 3.427 hộ/15.376 khẩu; chiếm 26,40% số hộ toàn huyện; Trong đó: Hộ nghèo là ĐBDTTS toàn huyện có 2.824 hộ/13.081 khẩu; chiếm 21,76% số hộ dân toàn huyện; chiếm 38,46% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 82,40% trong tổng số hộ nghèo toàn huyện.

- Hộ cận nghèo của toàn huyện: 922 hộ/4.520 khẩu; chiếm 7,10% số hộ toàn huyện; Trong đó: Hộ cận nghèo là ĐBDTTS toàn huyện có 694 hộ/3502 khẩu; chiếm 5,34% số hộ dân toàn huyện; chiếm 9,45% so với tổng số hộ ĐBDTTS toàn huyện và chiếm 75,27% trong tổng số hộ cận nghèo toàn huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả điều tra, thống kê về số lượng, cơ cấu, thành phần các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện Mang Yang có đến ngày 30/5/2013. UBND huyện báo cáo đề UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh biết và có hướng chỉ đạo trong thời gian tới./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Dân tộc tỉnh (B/c);
- TT Huyện ủy (B/c);
- Trung tâm Dân số và KHHGĐ huyện;
- Chi cục Thống kê huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, VX, DT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

- Số hộ ĐBDTTS di cư tự do trên địa bàn 05 xã phía nam của huyện từ năm 2007 đến nay là 376 hộ/1.221 khẩu.

* Số đối tượng có công và gia đình chính sách của huyện: 692 hộ/3.274 khẩu.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-DT

Mang Yang, ngày tháng 5 năm 2013

V/v thống kê cơ cấu, thành phần,
số lượng các dân tộc đang sinh
sống trên địa bàn huyện

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Phòng Dân tộc huyện;
- Trung tâm Dân số và KHHGD huyện;
- Chi cục Thống kê huyện;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện Mang Yang “V/v thống kê cơ cấu, thành phần, số lượng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn huyện”; nhằm phục vụ thiết thực cho công tác quản lý Nhà nước trong thời gian tới; Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc một số nội dung công việc sau:

1/ UBND các xã, thị trấn khẩn trương chỉ đạo cán bộ Dân tộc & Tôn giáo, cán bộ Văn phòng - Thống kê, cán bộ chuyên trách dân số của địa phương ... phối hợp chặt chẽ với Ban Nhân dân các thôn, làng, tổ dân phố tiến hành rà soát, thống kê về cơ cấu, thành phần, số lượng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn địa phương quản lý tính đến thời điểm **30/5/2013** (theo biểu mẫu số 01; 02; 03 đính kèm); gửi báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Dân tộc) trước ngày **10/6/2013**.

Lưu ý: Để công tác tổng hợp được thuận lợi, yêu cầu UBND các xã, thị trấn khi nộp báo cáo và Biểu mẫu thống kê về huyện phải nộp kèm theo file điện tử định dạng Microsoft Office Excel, phông chữ Time New Roman; hoặc gửi Email theo địa chỉ: phongdantoc.my@gmail.com)

2/ Chi cục Thống kê huyện có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê đảm bảo chất lượng và hoàn thành đúng thời gian quy định; kịp thời cung cấp số liệu cho Phòng Dân tộc để phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu kết quả công tác điều tra dân số, dân tộc của huyện.

3/ Trung tâm Dân số và KHHGD huyện có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn cán bộ chuyên trách dân số của các xã, thị trấn phối hợp thực hiện tốt công tác này; tham mưu giúp UBND các xã, thị trấn kiểm tra, đối chiếu số liệu trước khi gửi báo cáo về huyện.

4/ Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, thị trấn; Phòng Dân tộc huyện có trách nhiệm tổng hợp số liệu và tham mưu cho UBND huyện lập báo cáo gửi về UBND tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh trước ngày 15/6/2013.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình tổ chức thực hiện có gì vướng mắc phản ánh kịp thời về UBND huyện (qua Phòng Dân tộc huyện; ĐT: 0593 839 750 hoặc ĐD: 0913 252 336) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên (T/h);
- TT. Huyện uỷ (Thay B/c);
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, VX, DT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH